

Hempadur 85671

Đặc tính sản phẩm

Mô tả sản phẩm

Hempadur 85671 là sơn phủ epoxy phenolic (novolac), lưu hóa phức amin, có độ bám dính rất tốt và khả năng chịu hóa chất và nhiệt độ cao vượt trội.

Khuyến cáo sử dụng

Lót: Là lớp sơn lót bên trong bồn chứa, đường ống, toa tàu hỏa, v.v. chứa nước nóng, nước muối, dầu thô, dầu thực vật và các hóa chất khác theo Hướng dẫn Chống chịu Hóa chất (chỉ cho các màu 11150 & 50900).

Trang thiết bị dưới biển: Lớp bảo vệ chống ăn mòn cho các trang thiết bị và cấu trúc nóng dưới biển theo hệ thống NORSOK 7C.

Nhiệt độ sử dụng

- Từ -196°C [-321°F] lên đến 205°C [401°F] trong môi trường khô hoặc lúc khô/lúc ướt.
- Tối đa trong nước (không chênh lệch nhiệt độ): 95°C [203°F].
- Các chất lỏng khác: Vui lòng liên hệ Hempel.
- Vui lòng xem hướng dẫn bảo vệ Hóa học ở hempel.com.

Chứng nhận / Phê duyệt

- Tuân thủ các quy định về thực phẩm của FDA Hoa Kỳ và EU khi tiếp xúc với thực phẩm lỏng và khô. Liên hệ với Hempel để biết thêm chi tiết.
- Đáp ứng các yêu cầu đối với NORSOK M-501, khi được sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Edition 6, System 3C, 3D, 3E, 3F, 7C.
- Đã được thử nghiệm và đánh giá theo Aramco SAES-H-101 APCS 2A, 2B, 2C.

An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 26°C [79°F]

Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị
EU	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Hoa Kỳ (định kỳ)	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Canada	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Trung Quốc	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Hồng Kông	317 g/L [2,65 lb/US gal]
Hàn Quốc	317 g/L [2,65 lb/US gal]

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9.

Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

Dữ liệu sản phẩm

Mã sản phẩm

85671

Thành phần có trong sản phẩm

Phần A 85675

Chất đóng rắn 97371

Hempadur 85671

Màu tiêu chuẩn* / mã màu

Xám nhạt 11150 **

Độ bóng

Độ mờ

Hàm lượng chất rắn theo thể tích

68 ± 2%

Trọng lượng riêng

1,7 kg/L [14 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

100 micron [3,9 mils]

Màu nhôm / mã màu

Xám ánh kim 19000

Độ bóng

Vui lòng tham khảo Hướng dẫn của Hempel về sơn có chất tạo màu chứa nhôm

Thể tích sơn khô

67 ± 2%

Trọng lượng riêng

1,7 kg/L [14 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

100 micron [3,9 mils]

Xử lý bề mặt

Độ sạch

- Loại bỏ dầu, mỡ và các chất bẩn khác bằng chất tẩy rửa thích hợp.
- Loại bỏ muối, chất tẩy rửa, chất bẩn và sinh vật biển bám trên tàu bằng nước áp lực cao.
- Bề tông: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

Đóng mới:

- Mài bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu Sa 2½ (ISO 8501-1) / SP 10 (SSPC).
- Thép không gỉ, nhôm và các kim loại và hợp kim không sắt khác: sử dụng hạt mài để làm sạch là phi kim loại (corundum, garnet, v.v.).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

Bảo trì và Sửa chữa

- Mài điểm trên bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu PSa 2½ (ISO 8501-2) / SP 10 (SSPC).
- Phun tia nước tới mức Wa 2½ (ISO 8501-4).
- Độ gỉ sét loang tối đa FR M (ISO 8501-4).
- Thép không gỉ, nhôm và các kim loại và hợp kim không sắt khác: sử dụng hạt mài để làm sạch là phi kim loại (corundum, garnet, v.v.).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

Độ nhám

- Hình thức bề mặt Trung bình (G) (ISO 8503-2)

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

Thi công sơn

Tỉ lệ pha trộn

Phần A 85675 : Chất đóng rắn 97371
(8.8 : 1.2 theo thể tích)

Khuấy đều trước khi sử dụng.

Dung môi pha loãng

Hempel's Thinner 08450
Hempel's Thinner 08630

Chất làm sạch

Hempel's Total Cleaner 08640

* Có các loại sơn phủ khác, vui lòng liên hệ với đại diện Hempel tại địa phương của bạn.

** Có thể màu sẽ hơi bị phai. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất của lớp sơn.

Hempadur 85671

Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	15°C [59°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]
Thời gian tiền phản ứng	20 phút	15 phút	5 phút
Thời gian sống sau khi trộn	3½ giờ	3 giờ	1 giờ

Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	10%	Áp lực tại đầu béc phun: 200 bar [2900 psi] Cỡ béc phun: 0.017-0.021"
Cọ quét	10%	Không áp dụng

Nếu sử dụng cọ quét hoặc con lăn, sẽ cần sơn nhiều lớp để đạt được độ dày sau khi khô quy định. Về khía cạnh bọc lót bề, việc sơn bằng cọ quét và con lăn phải được giới hạn ở mức sơn đậm, khu vực chính sửa hoặc sửa chữa nhỏ. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Khuyến dùng	Cao
Độ dày màng sơn khô	90 micron [3,5 mils]	100 micron [3,9 mils]	175 micron [6,9 mils]
Độ dày màng sơn ướt	130 micron [5,1 mils]	150 micron [5,9 mils]	250 micron [10 mils]
Định mức phủ lý thuyết	7,5 m ² /L [310 sq ft/US gal]	6,8 m ² /L [280 sq ft/US gal]	3,9 m ² /L [160 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày.

Điều kiện thi công sơn

- Nhiệt độ sản phẩm phải trên 15°C [59°F] trong khi sơn.
- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên 10°C [50°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.

Độ ẩm tương đối:

- Độ ẩm tương đối phải dưới 80% trong thời gian lưu hóa.
- Độ ẩm tương đối phải dưới 80% trong thời gian sơn.

Thời gian khô và lớp phủ kế

Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.
- Lớp sơn kế: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.

Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt		10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]	40°C [104°F]
Khô sờ được	giờ	6	2	1½	1
Khô bề mặt	giờ	6	3	1½	1
Khô cứng	giờ	11	6½	3	1½
Khô/đóng rắn hoàn toàn	ngày	13	7	5	3

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 100 micron [3.9 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất		10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]	40°C [104°F]
Khô khí quyển, nặng					
Hempadur 85671	Tối thiểu	25 giờ	16 giờ	8 giờ	5 giờ
	Tối đa	47 ngày	21 ngày	10 ngày	6½ ngày
Ngâm nước					
Hempadur 85671	Tối thiểu	25 giờ	16 giờ	8 giờ	5 giờ
	Tối đa	47 ngày	21 ngày	10 ngày	6½ ngày

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ. Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.

Hempadur 85671

Chi tiết về công tác sơn lại

- Nếu vượt quá thời gian phủ tối đa, cần mài nhám bề mặt để đảm bảo độ bám dính của lớp sơn.
- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.

Các lưu ý khác

- Bản thân sơn phủ epoxy có xu hướng bị phai khi sử dụng ngoài trời. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất của lớp sơn.
- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

Lưu trữ

Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	25°C [77°F]
Phần A	12 tháng
Chất đóng rắn	12 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, chưa mở. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Bảo quản ở nhiệt độ cao có thể làm giảm thời hạn sử dụng. Vui lòng tham khảo Hempel để được tư vấn.

Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40°C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.

Khí thải carbon

Độ dày màng sơn khô	1 µm	1 mil
GWP (Tiềm ẩn Nóng lên Toàn cầu)	9,1 g CO ₂ e/m ²	0,047 lb CO ₂ e/ft ²

Lượng khí thải carbon dành cho 1 mét vuông / foot vuông diện tích bề mặt với độ dày màng sơn khô là 1 micron / mil.

Phạm vi này bao gồm nguyên liệu thô, vận chuyển nội địa đến nhà máy Hempel, quy trình sản xuất của Hempel và bất kỳ Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi nào phát ra trong quá trình sơn và quá trình đóng rắn sau khi sơn sản phẩm.

Giá trị được tính toán dựa trên màu sắc tiêu chuẩn được xác định trong PDS này. Giá trị có thể sẽ thay đổi theo màu sắc.

Hempadur 85671

Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel (<https://www.hempel.com/service-and-support/technical-guidelines>) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú giải cho Bảng dữ liệu sản phẩm.
- Phương pháp sơn.
- Chất nền.
- Xử lý bề mặt.
- Hướng dẫn sơn cho sản phẩm này.
- Sửa chữa và bảo trì.
- Nghiệm thu và kiểm soát chất lượng.
- Bọc lót bề.
- Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng dẫn kỹ thuật của Hempel.

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("**Sản phẩm**") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục "Sản phẩm" tại www.hempel.com ("**Tài liệu bổ sung**"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/y kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên www.hempel.com và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ www.hempel.com.

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.